

BỘ LAO ĐỘNG -  
THƯƠNG BINH VÀ XÃ  
HỘI  
Số: 11/2002/TT-  
BLĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2002

## THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước**

Thực hiện Nghị định 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 41/2002/NĐ-CP), sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

### I- PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1- Phạm vi áp dụng là doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP, bao gồm:

a) Doanh nghiệp thực hiện cơ cấu lại theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật lao động, gồm:

- Doanh nghiệp giữ 100% vốn Nhà nước;
- Công ty cổ phần được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước có phương án cơ cấu lại được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kiểm tra theo Luật doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cơ cấu lại theo các hình thức chuyển đổi, gồm:

- Doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Doanh nghiệp Nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần;
- Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sáp nhập, hợp nhất;

- Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp.

c) Doanh nghiệp Nhà nước bị giải thể, phá sản.

2- Các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp cơ cấu lại theo quy định tại tiết a, tiết b, điểm 1 nêu trên được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận phương án cơ cấu lại trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 (thời điểm có hiệu lực thi hành Nghị định số 41/2002/NĐ-CP) đến hết ngày 31/12/2005, các doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, quyết định giải thể trong giai đoạn từ ngày 26/4/2002 đến hết ngày 31/12/2005.

3- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại doanh nghiệp là cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất; quyết định chuyển đổi và đa dạng hoá sở hữu, quản lý, được thực hiện theo quy định hiện hành. Đối với doanh nghiệp bị giải thể, phá sản không duyệt phương án cơ cấu lại mà căn cứ quyết định giải thể hoặc tuyên bố phá sản doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.

Riêng đối với Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước có thời gian hoạt động không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp do Hội đồng quản trị Công ty quyết định phương án cơ cấu lại theo Điều lệ của Công ty và có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

4- Người lao động dôi dư thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP bao gồm cả người lao động dôi dư được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp trước ngày 30/8/1990 (thời điểm có hiệu lực thi hành Pháp lệnh hợp đồng lao động) nhưng cho đến tại thời điểm sắp xếp lại vẫn chưa thực hiện ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản.

5- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP là người lao động được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc xác định thời hạn từ 1 đến 3 năm mà tại thời điểm sắp xếp lại doanh nghiệp,

người lao động và người sử dụng lao động chưa chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.

## **II- CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ**

1- Chính sách đối với người lao động dôi dư đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Điều 3 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP quy định như sau:

a) Người lao động đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên được nghỉ hưu, không phải trừ phần trăm lương hưu do nghỉ trước tuổi theo quy định của Điều lệ bảo hiểm xã hội, ngoài ra còn được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau:

a.1) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi. Trường hợp có tháng lẻ được tính trợ cấp như sau:

+ Nếu đủ 6 tháng trở xuống được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có).

+ Nếu trên 6 tháng đến dưới 12 tháng được trợ cấp 02 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có).

a.2) Trợ cấp 05 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có) đang hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

a.3) Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp 1/2 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương (nếu có). Trường hợp có tháng lẻ được tính theo nguyên tắc trên 6 tháng được tính là một năm, đủ 6 tháng trở xuống không được tính.

Tiền lương và các khoản phụ cấp lương để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 41/2002/NĐ-CP là tiền lương cấp bậc, chức vụ và phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp, Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang và tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định

tại thời điểm nghỉ việc. Trường hợp người lao động chưa chuyển xếp lương thì thực hiện chuyển xếp lương theo quy định tại các Nghị định nêu trên.

Các khoản phụ cấp được tính (nếu có) bao gồm: Phụ cấp chức vụ, phụ cấp khu vực.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A công nhân sửa chữa ô tô, tại thời điểm nghỉ việc đã đủ 56 tuổi 4 tháng; có thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 25 năm 8 tháng; hệ số lương cấp bậc đang hưởng 2,84 (bậc 6, nhóm mức lương II, thuộc thang lương A.1 cơ khí, điện, điện tử – tin học); phụ cấp khu vực 0,5; tiền lương tối thiểu 210.000 đồng/tháng. Ông A được hưởng chế độ như sau:

+ Tỷ lệ % được hưởng lương hưu:

- 15 năm đầu tính bằng 45%.

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 25 được tính thêm mỗi năm 2% là 20%

(10 năm x 2% = 20%).

- Tỷ lệ % hưởng lương hưu là 65% (45% + 20%).

+ Tiền trợ cấp do về hưu trước tuổi:

- Tiền lương cấp bậc và phụ cấp lương 1 tháng:

210.000 đồng x (2,84 + 0,5) = 701.400 đồng

- Số tháng lương được hưởng chế độ trợ cấp:

Nghỉ hưu trước tuổi 3 năm 8 tháng:

(3 năm x 3 tháng/năm + 2 tháng) = 11 tháng

Có 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội = 5 tháng

Từ năm thứ 21 trở đi có đóng bảo hiểm xã hội = 3 tháng

(5 năm 8 tháng tính thành 6 năm x 1/2)

-----  
Cộng: 19 tháng

- Số tiền được nhận trợ cấp: 13.326.600 đồng

(701.400 đồng/tháng x 19 tháng)

b) Người lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động, nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa một năm (12 tháng), thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đóng tiếp bảo hiểm xã hội một lần cho những tháng còn thiếu với

mức 15% tiền lương tháng tại thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu và giải quyết nghỉ hưu theo chế độ hiện hành, bao gồm các trường hợp sau:

b.1) Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 14 năm đến dưới 15 năm.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B công nhân giao nhận sản phẩm tại thời điểm nghỉ việc đã đủ 60 tuổi, có đủ 14 năm đóng bảo hiểm xã hội; hệ số tiền lương đang hưởng 2,73 (bậc 6, nhóm mức lương I, tháng lương A.15 chế biến lương thực, thực phẩm); tiền lương tối thiểu 210.000 đồng/tháng. Ông B được Nhà nước hỗ trợ đóng tiếp bảo hiểm xã hội một lần cho 12 tháng với mức 15% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội một hàng tháng và làm thủ tục giải quyết chế độ nghỉ hưu theo quy định hiện hành.

+ Tiền lương một tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội:

$210.000 \text{ đồng} \times 2,73 = 573.300 \text{ đồng}$

+ Tiền bảo hiểm xã hội đóng một lần:

$(573.300 \text{ đồng} \times 15\%) \times 12 \text{ tháng} = 1.031.940 \text{ đồng}.$

+ Tỷ lệ % lương hưu được hưởng là 45% (có 15 năm đóng bảo hiểm xã hội).

b.2) Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi, có đủ 15 năm làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên hoặc đủ 10 năm công tác thực tế ở chiến trường B, C trước ngày 30/4/1975, chiến trường K trước ngày 31/8/1981 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 19 năm đến dưới 20 năm.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn C công nhân nấu bếp tại thời điểm nghỉ việc đã đủ 55 tuổi; có đủ 19 năm 6 tháng đóng bảo hiểm xã hội; hệ số tiền lương đang hưởng 2,07 (bậc 5, nhóm mức lương II, thang lương A.20 ăn uống), tiền lương tối thiểu 210.000 đồng/tháng. Ông C được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đóng tiếp bảo hiểm xã hội một lần cho 6 tháng với mức 15% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng và làm thủ tục giải quyết chế độ nghỉ hưu theo quy định hiện hành.

- Tiền lương một tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội:

$210.000 \text{ đồng} \times 2,07 = 434.700 \text{ đồng}$